

Hostaperm Violet BL 01

Trang 1(15)

Mã hoá chất: 000000156419

Ngày xem xét: 06.03.2023

Phiên bản: 1 - 2 / EU

Ngày in : 06.03.2023

Phần 1: Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

1.1 Nhận dạng sản phẩm

Tên thương mại

Hostaperm Violet BL 01

Mã sản phẩm 197163

Reach – Số đăng ký theo điều 20(3) 01-2119451149-38-0000

Bản chất hóa học: C. I. Pigment Violet 23

Số đăng ký EC 606-790-9

1.2 Cách sử dụng thích hợp được biết của sản phẩm và thông tin liên hệ

Cách sử dụng phù hợp được biết của sản phẩm

Lĩnh vực công nghiệp : Hóa chất chức năng công nghiệp

Dùng theo phân loại : Ngành công nghiệp kỹ thuật hóa chất

1.3 Chi tiết của nhà cung cấp bằng thông tin an toàn

Thông tin công ty

Heubach Colorants Germany GmbH

Brüningstraße 50

65929 Frankfurt am Main

Số điện thoại : +49 69 305 13619

Thông tin về sản phẩm

Product Stewardship

Địa chỉ mail: SDS.PI.Europe@clariant.com

1.4 Số điện thoại khẩn cấp

00800-5121 5121

Phần 2: Nhận dạng nguy cơ

2.1 Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp

Phân loại (Quy định số 1272/2008 (EC))

Không phải là chất hay hỗn hợp nguy hại.

2.2 Các yếu tố nhãn

Dán nhãn (Quy định số 1272/2008 (EC))

Không phải là chất hay hỗn hợp nguy hại.

2.3 Các nguy cơ khác

Chất/hỗn hợp này không chứa các thành phần được xem là bền, tích lũy sinh học và độc hại (PBT), hoặc rất bền và tích lũy sinh học cao (vPvB) ở mức 0,1% hoặc cao hơn.

Thông tin sinh thái học: Sản phẩm không chứa các thành phần được xem là có tính chất phá vỡ nội tiết theo điều 57(f) tiêu chuẩn Reach, hoặc quy định châu Âu Commission Delegated (EU) 2017/2100 hay Commission Regulation (EU) 2018/605 ở mức 0.1% hoặc cao hơn.

Hostaperm Violet BL 01

Trang 2(15)

Mã hoá chất: 000000156419

Ngày xem xét: 06.03.2023

Phiên bản: 1 - 2 / EU

Ngày in : 06.03.2023

Thông tin độc học: Sản phẩm không chứa các thành phần được xem là có tính chất phá vỡ nội tiết theo điều 57(f) tiêu chuẩn Reach, hoặc quy định châu Âu Commission Delegated (EU) 2017/2100 hay Commission Regulation (EU) 2018/605 ở mức 0.1% hoặc cao hơn.

Theo hiểu biết hiện tại, miễn sản phẩm này được thao tác đúng, không có nguy hại gây ra cho người và môi trường.

Có nguy cơ nổ tạo bụi.

Phần 3: Thành phần/thông tin về các phụ liệu

3.1 Chất

Nhận dạng hóa chất : C. I. Pigment Violet 23

Thành phần

Ghi chú : Không có thành phần nguy hiểm

Phần 4: Các biện pháp sơ cứu

4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Lời khuyên chung : Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế nếu cảm thấy không khỏe.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Chuyển đến nơi thoáng khí.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : **NẾU TIẾP XÚC LÊN DA:** Rửa bằng nhiều nước và xà phòng.

Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt : Rửa mắt bị nhiễm bằng nhiều nước, cùng lúc bảo vệ mắt còn lại

Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Nếu nuốt phải, không cố gắng nôn ra, tìm hỗ trợ y tế và trình thông tin an toàn hoặc nhãn sản phẩm

4.2 Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này

Triệu chứng : Không có triệu chứng nào được biết cho đến nay.

Rủi ro : Không có chất độc hại được biết ngoại trừ các chất trên nhãn

4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

Xử lý : Điều trị theo triệu chứng.

Phần 5: Các biện pháp cứu hỏa

5.1 Các phương tiện chữa cháy

Các phương tiện chữa cháy thích hợp : Tia bụi nước
Bọt

Hostaperm Violet BL 01

Trang 3(15)

Mã hoá chất: 000000156419

Ngày xem xét: 06.03.2023

Phiên bản: 1 - 2 / EU

Ngày in : 06.03.2023

Các phương tiện chữa cháy không thích hợp : Tia nước dung tích lớn
Carbon diôxit (CO₂)
Bột khô

5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp

Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy : Trong trường hợp cháy, khí cháy độc hại sau được hình thành: Carbon monoxide (CO)
Carbon monoxit
Carbon diôxit (CO₂)
Nitơ ôxit (NO_x)
Hydro clorua

5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa : Mặt nạ cung cấp dưỡng khí

Phần 6: Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

6.1 Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố

Phòng ngừa cá nhân : Mặc thiết bị bảo hộ thích hợp.

6.2 Các cảnh báo về môi trường

Các cảnh báo về môi trường : Không được đổ sản phẩm vào cống, rãnh, mương, máng, nơi nước chảy hoặc vứt xuống đất.

6.3 Các phương pháp và vật liệu để bao quây và làm sạch.

Các phương pháp làm sạch : Thu thập cơ học
Tránh sự hình thành bụi
Thực hiện các biện pháp ngăn ngừa việc tích tụ điện tích tĩnh điện.
Nguy cơ nổ bụi.
Xử lý các vật liệu được thu hồi như được mô tả trong phần "Các vấn đề cần quan tâm khi tiêu huỷ".

6.4 Xem các mục khác

Thông tin liên quan đến thao tác an toàn, xem chương 7

Phần 7: Xử lý và lưu trữ

7.1 Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : Khi sử dụng và thao tác hợp lý, không cần biện pháp ngăn ngừa đặc biệt nào
Tránh sự hình thành bụi

Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ : Dùng những biện pháp phòng ngừa lực tĩnh điện tích lũy, chẳng hạn nối đất suốt quá trình hoạt động lên xuống hàng
Tránh xa nguồn cháy Bụi có thể tạo thành một hỗn hợp dễ nổ

Hostaperm Violet BL 01

Trang 4(15)

Mã hoá chất: 000000156419

Ngày xem xét: 06.03.2023

Phiên bản: 1 - 2 / EU

Ngày in : 06.03.2023

trong không khí. Quan sát luật định chung về phòng cháy công nghiệp

Các biện pháp vệ sinh : Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc. Dùng kem bảo vệ da trước khi thao tác với sản phẩm. Cởi bỏ tất cả các quần áo bị nhiễm độc ngay lập tức và giặt sạch trước khi sử dụng.

Loại nổ tạo bụi : St1

7.2 Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

Các yêu cầu đối với khu vực lưu trữ và thiết bị chứa : Chỉ Lưu trữ trong thùng chứa gốc. Giữ thùng chứa, bao bì được đóng kín, chặt.

Các thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ : Đóng kín bình chứa, đặt tại nơi mát mẻ và thông gió tốt. Cần thận khi cầm và mở thiết bị chứa. Tránh xa nguồn cháy

Lời khuyên cho việc lưu trữ thông thường : Khi sử dụng và thao tác như quy định, không cần. Để xa đồ ăn thức uống.

Thêm thông tin về độ ổn định kho lưu trữ : Ổn định tại nhiệt độ và áp suất thường.

7.3 Sử dụng cụ thể

(Các) Sử dụng cụ thể : Không có đề nghị gì thêm.

Phần 8: Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

8.1 Các thông số kiểm soát

Mức độ không bị ảnh hưởng. (DNEL) theo Quy định (EU) số 1907/2006:

Nhận dạng hóa chất	Sử dụng cuối	Đường tiếp xúc	Các tác động tiềm ẩn lên sức khỏe	Giá trị
C.I. Pigment Violet 23 Số CAS: 215247-95-3	Công nhân	Da	Các ảnh hưởng lâu dài đến toàn bộ cơ thể	42 mg/kg bw/ngày
	Ghi chú:DNEL			
	Công nhân	Hít phải	Các ảnh hưởng lâu dài đến toàn bộ cơ thể	49 mg/m ³
	Ghi chú:DNEL			
	Công nhân	Hít phải	Các ảnh hưởng lâu dài cục bộ	3 mg/m ³
	Ghi chú:DNEL			
	Dân số chung	Da	Các ảnh hưởng lâu dài đến toàn bộ cơ thể	25 mg/kg bw/ngày
	Ghi chú:DNEL			
	Dân số chung	Đường miệng	Các ảnh hưởng lâu dài đến toàn bộ cơ thể	25 mg/kg bw/ngày

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006

heubach

Hostaperm Violet BL 01

Trang 5(15)

Mã hoá chất: 000000156419

Ngày xem xét: 06.03.2023

Phiên bản: 1 - 2 / EU

Ngày in : 06.03.2023

			thể	
Ghi chú:DNEL				

8.2 Kiểm soát phơi nhiễm

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

- Bảo vệ mắt/mặt : Kính bảo hộ
- Bảo vệ tay
Ghi chú : Găng tay cao su Nitrile Thời gian tối thiểu để cắt qua (găng tay): không xác định Độ dày tối thiểu (găng tay): không xác định Ghi chép các thông tin do nhà sản xuất cung cấp về tính thấm và thời gian thấm cũng như các điều kiện đặc biệt tại nơi làm việc (sức căng cơ học, thời lượng tiếp xúc).
- Bảo vệ da và cơ thể : quần áo bảo hộ
- Bảo vệ hô hấp : Mang mặt nạ khi thao tác với số lượng lớn
- Các biện pháp bảo vệ : Quan sát những đề phòng thông thường khi thao tác hóa chất

Phần 9: Các tính chất vật lý và hóa học

9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học

- Trạng thái vật lý : bột
- Màu sắc : màu tím đậm
- Mùi đặc trưng : không đặc trưng
- Ngưỡng mùi : không thể xác định
- Điểm nóng chảy : Phân hủy trước khi nóng chảy.
- Điểm sôi : Phân hủy dưới điểm sôi.
- Tính dễ cháy : Sản phẩm không dễ cháy.
GLP: chưa có dữ liệu
Ghi chú: Thử nghiệm tinh để bắt cháy (theo Chỉ thị Châu Âu)
- Giới hạn trên của cháy nổ /
Giới hạn trên của sự bốc cháy : Không thử nghiệm
- Giới hạn dưới của cháy nổ /
Giới hạn dưới của sự bốc
cháy : Không thử nghiệm
- Điểm cháy : Không áp dụng được
- Nhiệt độ tự bốc cháy : Không áp dụng được
- Nhiệt độ phân hủy : 320 °C
Năng lượng phân hủy (khối): 220 kJ/kg

Hostaperm Violet BL 01

Trang 6(15)

Mã hoá chất: 000000156419

Ngày xem xét: 06.03.2023

Phiên bản: 1 - 2 / EU

Ngày in : 06.03.2023

Độ pH	:	xấp xỉ 7 (24 °C) dung dịch nước bão hoà
Độ nhớt	:	
Độ nhớt, động lực	:	Không áp dụng được
Độ hòa tan	:	
Độ hòa tan trong nước	:	< 0,02 mg/l (20 °C)
Độ hòa tan trong các dung môi khác	:	<= 0,33 mg/l(24 °C) Dung môi: 1-octanol Phương pháp: Phương pháp ETAD < 1 g/l(xấp xỉ 23 °C) Dung môi: dimethyl sulfoxide
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	:	log Pow: xấp xỉ 1,1 (xấp xỉ 20 °C) Dữ liệu dựa trên chất màu
Áp suất hóa hơi	:	Không áp dụng được
Tỷ trọng tương đối	:	Không thử nghiệm
Mật độ	:	1,48 g/cm ³ (20 °C)
Mật độ lớn	:	191 kg/m ³ Phương pháp: ISO 60 GLP: chưa có dữ liệu
Tỷ trọng hơi tương đối	:	Không áp dụng được
Đặc điểm hạt	:	
Kích thước hạt	:	< 2,8 µm Phương pháp: Sự nhiễu xạ qua tia laser với sự phân tán trong không khí khô. Trung bình

9.2 Các thông tin khác

Chất nổ	:	Không có nhóm hóa học liên quan đến tính chất nổ có trong phân tử. Phương pháp: Đánh giá của chuyên gia
Đặc tính ôxy hóa	:	Chất hoặc hỗn hợp không được phân loại là chất oxy hóa. Phương pháp: Đánh giá của chuyên gia Không có nhóm hóa học liên quan đến tính chất oxy hóa có trong phân tử. Không oxy hóa
Chất rắn dễ cháy	:	
Số đốt cháy	:	2 Cháy bùng lên ngắn ngủi không lan toả

Hostaperm Violet BL 01

Trang 7(15)

Mã hoá chất: 000000156419

Ngày xem xét: 06.03.2023

Phiên bản: 1 - 2 / EU

Ngày in : 06.03.2023

Tự bốc cháy	:	290 °C Phương pháp: VDI 2263 (Grewer)
Chỉ số bùng cháy của bụi (Kst)	:	194 m.b_/s
Loại nổ tạo bụi	:	St1
Tỷ lệ hóa hơi	:	Không áp dụng được
Khả năng trộn với nước	:	không hòa tan trong thực tế
Sức căng bề mặt	:	Không áp dụng được
Năng lượng cháy cực tiểu	:	12 - 36 mJ có mặt chất chống điện cảm ứng
Điểm thăng hoa	:	Không áp dụng được

Phần 10: Tính ổn định và tính phản ứng

10.1 Khả năng phản ứng

Xem phần 10.3. "Khả năng xảy ra phản ứng độc hại"

10.2 Tính ổn định

Ổn định trong các điều kiện thông thường.

10.3 Phản ứng nguy hiểm

Phản ứng nguy hại : Được biết là chưa xảy ra. Ổn định

10.4 Các điều kiện cần tránh

Các điều kiện cần tránh : Mồi lửa
Giữ cách xa nguồn nhiệt
Đề xa các ngọn lửa trần, các bề mặt nóng và các nguồn gây cháy.

10.5 Vật liệu không tương thích

Các chất cần tránh bảo quản chung : Các chất oxy hóa mạnh

10.6 Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy

Carbon monoxide và carbon dioxide
Nitơ ôxit (NOx)
Hợp chất clo
Khi sử dụng và lưu trữ đúng cách, không có sản phẩm phân hủy nguy hiểm theo hiểu biết hiện nay

Hostaperm Violet BL 01

Trang 8(15)

Mã hoá chất: 000000156419

Ngày xem xét: 06.03.2023

Phiên bản: 1 - 2 / EU

Ngày in : 06.03.2023

Phần 11: Thông tin độc học

11.1 Thông tin về các nhóm độc hại như định nghĩa trong Quy định (EC) Số 1272/2008

Độc cấp tính

Sản phẩm:

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột, Đực và cái): > 2.000 mg/kg
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 401
GLP: có
Đánh giá: Hỗn hợp hoặc chất này không gây độc cấp tính theo đường miệng
Ghi chú: Không có tác dụng phụ đáng kể nào

Độc tính cấp do hít phải : Ghi chú: không yêu cầu

Độc tính cấp qua da : Ghi chú: không yêu cầu

Ăn mòn/kích ứng da

Sản phẩm:

Loài : Thỏ
Thời gian phơi nhiễm : 4 h
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 404
Kết quả : Không gây kích ứng da
GLP : có

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Sản phẩm:

Loài : Thỏ
Thời gian phơi nhiễm : 24 h
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 405
Kết quả : Không gây kích ứng mắt
GLP : có

Kích thích hô hấp hoặc da

Sản phẩm:

Loại kiểm nghiệm : Thử nghiệm hạch bạch huyết cục bộ (LLNA)
Đường tiếp xúc : Da
Loài : Chuột nhắt
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 429
Kết quả : Không phải là chất gây mẫn cảm da
GLP : có

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)

Sản phẩm:

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm : Loại kiểm nghiệm: Xét nghiệm Ames
Hệ thống thử nghiệm: Salmonella typhimurium
Nồng độ: 3 - 5000 µg/plate
Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hóa trao

Hostaperm Violet BL 01

Trang 9(15)

Mã hoá chất: 000000156419

Ngày xem xét: 06.03.2023

Phiên bản: 1 - 2 / EU

Ngày in : 06.03.2023

đổi chất

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471

Kết quả: Âm tính

GLP: có

Loại kiểm nghiệm: Xét nghiệm Ames

Hệ thống thử nghiệm: Escherichia coli

Nồng độ: 3 - 5000 µg/plate

Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hóa trao đổi chất

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471

Kết quả: Âm tính

GLP: có

Loại kiểm nghiệm: Nghiên cứu về đột biến gen ở tế bào động vật có vú trong ống nghiệm

Hệ thống thử nghiệm: các tế bào phổi của chuột đồng Trung Quốc

Nồng độ: 1,2 - 600 µg/ml

Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hóa trao đổi chất

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 476

Kết quả: Âm tính

GLP: có

Loại kiểm nghiệm: Xét nghiệm nhiễm sắc thể bất thường trong ống nghiệm

Hệ thống thử nghiệm: các tế bào phổi của chuột đồng Trung Quốc

Nồng độ: 0,3 - 600 µg/ml

Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hóa trao đổi chất

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 473

Kết quả: Âm tính

GLP: có

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)- Đánh giá : Các thử nghiệm trong ống nghiệm không cho thấy các tác nhân gây đột biến.

Tác nhân gây ung thư

Sản phẩm:

Tác nhân gây ung thư - Đánh giá : Không được phân loại là chất gây ung thư ở người.
giá

Độc tính sinh sản

Sản phẩm:

Độc tính sinh sản - Đánh giá : Không có thông tin.

STOT - Tiếp xúc một lần

Sản phẩm:

Hostaperm Violet BL 01

Trang 10(15)

Mã hoá chất: 000000156419

Ngày xem xét: 06.03.2023

Phiên bản: 1 - 2 / EU

Ngày in : 06.03.2023

Đánh giá : Chất hoặc hỗn hợp được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm đơn lẻ.

STOT - Tiếp xúc lặp lại

Sản phẩm:

Đánh giá : Chất hoặc chất độc không được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm nhiều lần.

Lượng độc lặp lại

Sản phẩm:

Loài : Chuột, Đực và cái
NOAEL : ≥ 1.000 mg/kg
Lộ trình ứng dụng : bằng miệng (đưa vào dạ dày)
Thời gian phơi nhiễm : 28 d
Số lần phơi nhiễm : Once daily
Liều lượng : 0 - 50 - 250 - 1000 mg/kg
Nhóm kiểm soát : có
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 407
GLP : có

Độc tính hô hấp

Sản phẩm:

Không có dạng độc tính hô hấp

11.2 Thông tin về các chất độc hại khác

Các tính chất phá vỡ nội tiết

Sản phẩm:

Đánh giá : Sản phẩm không chứa các thành phần được xem là có tính chất phá vỡ nội tiết theo điều 57(f) tiêu chuẩn Reach, hoặc quy định châu Âu Commission Delegated (EU) 2017/2100 hay Commission Regulation (EU) 2018/605 ở mức 0.1% hoặc cao hơn.

Phần 12: Thông tin sinh thái học

12.1 Độc tính

Sản phẩm:

Độc đối với cá : LC50 (Danio rerio (cá vằn)): > 100 mg/l
Điểm kết thúc: tử vong
Thời gian phơi nhiễm: 96 h
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh
Giám sát phân tích: không
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203
GLP: có
Ghi chú: Chi tiết hiệu ứng độc hại liên quan đến nồng độ danh nghĩa

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006

heubach

Hostaperm Violet BL 01

Trang 11(15)

Mã hoá chất: 000000156419

Ngày xem xét: 06.03.2023

Phiên bản: 1 - 2 / EU

Ngày in : 06.03.2023

Ghi chú: Không có độc tính ở giới hạn hòa tan

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác : EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): > 100 mg/l
Điểm kết thúc: Cố định
Thời gian phơi nhiễm: 48 h
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh
Giám sát phân tích: không
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202
GLP: có
Ghi chú: Chi tiết hiệu ứng độc hại liên quan đến nồng độ danh nghĩa
Không có độc tính ở giới hạn hòa tan

Độc tính đối với tảo/thực vật dưới nước : ErC50 (Desmodesmus subspicatus (tảo lục)): > 100 mg/l
Điểm kết thúc: Tỷ lệ tăng trưởng
Thời gian phơi nhiễm: 72 h
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh
Giám sát phân tích: không
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201
GLP: có
Ghi chú: Chi tiết hiệu ứng độc hại liên quan đến nồng độ danh nghĩa
Không có độc tính ở giới hạn hòa tan

NOEC (Desmodesmus subspicatus (tảo lục)): >= 100 mg/l
Điểm kết thúc: Tỷ lệ tăng trưởng
Thời gian phơi nhiễm: 72 h
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh
Giám sát phân tích: không
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201
GLP: có
Ghi chú: Chi tiết hiệu ứng độc hại liên quan đến nồng độ danh nghĩa
Không có độc tính ở giới hạn hòa tan

Độc đối với cá (Tính độc mãn tính) : Ghi chú: không yêu cầu

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác (Tính độc mãn tính) : NOEC: 2,5 mg/l
Điểm kết thúc: Tỷ lệ sinh sản
Thời gian phơi nhiễm: 21 d
Loài: Daphnia magna (Bọ nước)
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm bán tĩnh
Giám sát phân tích: không
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 211
GLP: có
Ghi chú: Chi tiết hiệu ứng độc hại liên quan đến nồng độ danh nghĩa

Độc tính đối với các vi sinh vật : EC50 (Than hoạt tính): > 1.000 mg/l
Điểm kết thúc: Độc tính vi khuẩn (ức chế hô hấp)
Thời gian phơi nhiễm: 3 h
Loại kiểm nghiệm: Thuộc môi trường nước
Giám sát phân tích: không

Hostaperm Violet BL 01

Trang 12(15)

Mã hoá chất: 000000156419

Ngày xem xét: 06.03.2023

Phiên bản: 1 - 2 / EU

Ngày in : 06.03.2023

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 209
GLP: có
Ghi chú: Chi tiết hiệu ứng độc hại liên quan đến nồng độ danh nghĩa

Độc tính đối với các sinh vật sống trong đất : Loại kiểm nghiệm: Đất nhân tạo
NOEC: ≥ 1.000 mg/kg
Thời gian phơi nhiễm: 14 d
Điểm kết thúc: tử vong
Loài: Eisenia fetida (Sâu đất)
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 207
GLP: có

Độc tính đối với cây cối : NOEC: 1.000 mg/kg
Thời gian phơi nhiễm: 21 d
Điểm kết thúc: Tăng trưởng
Loài: Avena sativa (yến mạch)
Giám sát phân tích: không
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 208
GLP: có

NOEC: 1.000 mg/kg
Thời gian phơi nhiễm: 21 d
Điểm kết thúc: Tăng trưởng
Loài: Brassica napus
Giám sát phân tích: không
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 208
GLP: có

NOEC: 1.000 mg/kg
Thời gian phơi nhiễm: 21 d
Điểm kết thúc: Tăng trưởng
Loài: Dicotyledonae: Glycine max (soybean)
Giám sát phân tích: không
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 208
GLP: có

12.2 Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Sản phẩm:

Tính phân hủy sinh học : Ghi chú: Độ hòa tan thấp của vật liệu không cho phép thử nghiệm khả năng phân hủy theo OECD 301E

Chuyển dời lý-hóa : Ghi chú: Không dễ phân hủy sinh học.

Ổn định trong nước : Ghi chú: Không áp dụng được

12.3 Khả năng tích lũy sinh học

Sản phẩm:

Tính tích lũy sinh học : Ghi chú: Khả năng tích lũy sinh học thấp (log Pow <3).

Hostaperm Violet BL 01

Trang 13(15)

Mã hoá chất: 000000156419

Ngày xem xét: 06.03.2023

Phiên bản: 1 - 2 / EU

Ngày in : 06.03.2023

12.4 Độ linh động trong đất

Sản phẩm:

Phân bố trong các môi trường khác nhau : sự hút bám
Trung bình: Đất
Ghi chú: Được cho là không hấp phụ vào đất.

12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Sản phẩm:

Đánh giá : Chất/hỗn hợp này không chứa các thành phần được xem là bền, tích lũy sinh học và độc hại (PBT), hoặc rất bền và tích lũy sinh học cao (vPvB) ở mức 0,1% hoặc cao hơn.

12.6 Các tính chất phá vỡ nội tiết

Sản phẩm:

Đánh giá : Sản phẩm không chứa các thành phần được xem là có tính chất phá vỡ nội tiết theo điều 57(f) tiêu chuẩn Reach, hoặc quy định châu Âu Commission Delegated (EU) 2017/2100 hay Commission Regulation (EU) 2018/605 ở mức 0.1% hoặc cao hơn.

12.7 Các tác hại khác

Sản phẩm:

Các con đường và sự biến đổi trong môi trường : Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Do tính nhất quán của sản phẩm và khả năng sinh khả dụng trong nước thấp là không thể.

Các thông tin sinh thái khác : Không được đổ sản phẩm vào cống, rãnh, mương, máng, nơi nước chảy hoặc vớt xuống đất.

Phần 13: Các lưu ý về tiêu hủy

13.1 Các phương pháp xử lý chất thải

Sản phẩm : Sản phẩm nên được thu hồi đến một nơi xử lý chất thải có thẩm quyền theo luật định tương ứng và nếu cần thiết

Bao bì nhiễm độc : Bao bì mà không thể làm sạch phải được phân hủy như chất thải từ sản phẩm

Phần 14: Thông tin vận chuyển

Phần 14.1 đến 14.5

ADR	not restricted
ADN	not restricted
RID	not restricted
IATA	not restricted

Hostaperm Violet BL 01

Trang 14(15)

Mã hoá chất: 000000156419

Ngày xem xét: 06.03.2023

Phiên bản: 1 - 2 / EU

Ngày in : 06.03.2023

IMDG

not restricted

14.6. Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng

Xem phần 6 đến 8 trong tài liệu an toàn này

14.7. Vận chuyển hàng hải số lượng lớn theo công cụ IMO

Không áp dụng

Phần 15: Thông tin pháp luật

15.1 Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

REACH - Các hạn chế về sản xuất, lưu hành trên thị trường và sử dụng một số chất, hỗn hợp chất và sản phẩm nguy hiểm (Phụ lục XVII) : Không áp dụng được

REACH - Danh sách các chất cần quan tâm đặc biệt của nhà chức trách (Điều 59). : Không áp dụng được

Quy định (EC) số 1005/2009 về các chất làm suy yếu tầng ôzôn : Không áp dụng được

Regulation (EU) 2019/1021 on persistent organic pollutants (recast) : Không áp dụng được

Council Regulation (EC) No 111/2005 laying down rules for the monitoring of trade between the Community and third countries in drug precursors : Không bị cấm hoặc bị hạn chế

Quy định (EC) số 649/2012 của Quốc hội châu Âu và Hội đồng liên quan đến xuất khẩu và nhập khẩu các hóa chất nguy hiểm : Không áp dụng được

VU'ƠN T'ỚI - Danh sách các chất phải có giấy phép (Phụ ước XIV) : Không áp dụng được

15.2 Đánh giá An toàn Hóa chất

Đã tiến hành Đánh giá An toàn Hóa chất cho các chất này.

Phần 16: Các thông tin khác

Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

ADN - Hiệp định châu Âu về việc Vận chuyển Quốc tế Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường thủy Nội địa; ADR - Hiệp định về việc Vận chuyển Quốc tế Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường bộ; AIIIC - Tồn kho hóa chất công nghiệp Úc; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CLP - Quy định về Xác định Nhãn Đóng gói bao bì; Quy định (EC) Số 1272/2008; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECHA - Cơ quan Hóa chất châu Âu; EC-Number - Mã số Cộng đồng châu Âu; ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp

Hostaperm Violet BL 01

Trang 15(15)

Mã hoá chất: 000000156419

Ngày xem xét: 06.03.2023

Phiên bản: 1 - 2 / EU

Ngày in : 06.03.2023

ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; GHS - Hệ thống Hải hòa Toàn cầu; GLP -Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mối quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; RID - Quy định về Vận tải Quốc tế Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường sắt; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; SVHC - chất có nguy cơ rất cao; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TRGS - Quy định về mặt Kỹ thuật đối với Chất Độc hại; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy

Thông tin khác

Các dữ kiện trên đây dựa trên thông tin hiện hành mà chúng tôi được biết, nhằm mục đích mô tả chung về sản phẩm và những ứng dụng khả dĩ của nó. Heubach không chứng thực, phát biểu hay bao hàm tính chính xác, thích hợp và đầy đủ của thông tin cung cấp cũng như chúng tôi được quyền miễn trừ đối với thiếu sót và không chấp nhận nghĩa vụ pháp lý nào liên quan đến việc sử dụng thông tin này. Người sử dụng sản phẩm này có trách nhiệm xác định tính phù hợp của sản phẩm của Heubach cho ứng dụng cụ thể của nó. Không điều nào trong thông tin này phủ nhận Các điều khoản chung và điều kiện bán hàng của Heubach - nhằm kiểm soát, trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản. Bất cứ quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ nếu có phải được xem xét. Do các thay đổi có thể xảy ra đối với sản phẩm của chúng tôi cũng như quy định và luật định quốc gia và quốc tế tương ứng, tình trạng của sản phẩm có thể thay đổi. Thông tin an toàn sản phẩm đề xuất sự đề phòng về mặt an toàn, mà có thể quan sát trong quá trình thao tác và lưu trữ sản phẩm của Heubach, thông tin này sẵn có khi yêu cầu và được cung cấp phù hợp luật định. Bạn nên có và xem xét Thông tin an toàn sản phẩm trước khi sử dụng sản phẩm. Nếu cần thêm thông tin, hãy liên lạc với Heubach.

REG_EU / VI